

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN VỚI NGƯỜI CÔNG GIÁO ĐỒNG NAI

PHẠM THỊ BÍCH HẰNG^(*)

Người Việt, về cơ bản, cũng có ba tín ngưỡng dân gian quan trọng đó là tín ngưỡng bái vật linh, tín ngưỡng phồn thực và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên, ba tín ngưỡng này tồn tại trong môi trường người Việt làm nông nghiệp lúa nước mang những sắc thái riêng biệt.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên xuất hiện sau nhưng lại là tín ngưỡng khởi sắc nhất trong văn hóa Việt Nam. Hiện nay, nếu như tín ngưỡng bái vật linh và tín ngưỡng phồn thực không còn tồn tại như thuở ban đầu do sự tác động của nhiều yếu tố, trong đó có sự chi phối của quá trình giao thoa văn hóa thì tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên lại tồn tại một cách khá nguyên vẹn. Những thay đổi về hình thức thờ cúng tổ tiên do sự thăng tiến của con người và xã hội cũng như do hội nhập văn hóa cũng chỉ là để củng cố thêm cái vốn đã có trong tín ngưỡng bản địa.

Tuy nhiên, xét cho cùng tín ngưỡng bái vật linh là tín ngưỡng tôn trọng thiên nhiên còn tín ngưỡng phồn thực là tín ngưỡng tôn trọng sự sống; người Việt đã thể hiện trọn vẹn cả hai trong môi trường “làng” và “nước”. Làng người Việt tích hợp mối tương quan giữa người với

người trong một không gian đủ để người ta gắn bó với nhau. Người Việt gắn bó với làng chính là một biểu hiện khác của tình cảm đối với thiên nhiên, họ gắn bó với nhau, tôn trọng nhau trong cùng một làng cũng là một biểu hiện khác của việc tôn trọng sự sống. Như thế, tín ngưỡng bái vật linh và tín ngưỡng phồn thực ngẫu nhiên được kết hợp lại trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không phải trong phạm vi gia tộc mà là trong phạm vi làng và được mở rộng trong phạm vi nước.

Vì vậy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt thể hiện ở ba cấp độ:

- Cấp độ gia đình, dòng tộc: tôn thờ ông bà, cha mẹ.
- Cấp độ làng: tôn thờ Thành Hoàng.
- Cấp độ nước: tôn thờ các vị Vua Hùng dựng nước.

Do đó, trong quá trình tiếp biến văn hóa, khi tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt tiếp cận với những tôn giáo khác như Phật giáo, Công giáo, v.v.... thì tín ngưỡng này không những không mất đi mà tạo nên một mối tương quan biện chứng. Một mặt, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã chuyển hóa vào trong những tôn

^{*}. ThS., Đại học Lạc Hồng, Biên Hòa, Đồng Nai.

giáo ấy yếu tố, phong tục, tạo nên một nếp sinh hoạt văn hóa riêng của những cộng đồng tôn giáo này mà cộng đồng Công giáo Đồng Nai là một điển hình; mặt khác những tôn giáo du nhập ấy đã gìn giữ cho tín ngưỡng những giá trị không đổi, đồng thời tạo nên sự phong phú và đa dạng trong cách thức thể hiện tín ngưỡng.

Việc làm sáng tỏ vấn đề tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với người Công giáo Đồng Nai cho thấy một sự tiếp biến văn hóa của người Việt khi tiếp nhận Công giáo thông qua việc thực hành nghi lễ thờ cúng tổ tiên trong đời sống tâm linh bên cạnh những nghi lễ Công giáo. Đồng thời, việc tìm hiểu, nghiên cứu vấn đề góp phần tạo cơ sở để Đảng và nhà nước có những chính sách đúng đắn, tích cực nhằm điều phối những sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng nâng cao hiệu quả trong quản lý đất nước.

1. Khái quát về cộng đồng Công giáo Đồng Nai

1.1. Yếu tố địa lý tự nhiên – dân số

Người Công giáo Đồng Nai sinh hoạt trong giáo phận Xuân Lộc, một trong 26 giáo phận của Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Địa giới giáo phận Xuân Lộc có hình ngũ giác không đều cạnh, phía đông giáp giáo phận Đà Lạt và Phan Thiết, phía tây giáp giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh, phía nam giáp giáo phận Bà Rịa, phía bắc giáp giáo phận Phú Cường (tỉnh Bình Dương).

Như vậy, hiện nay giáo phận Xuân Lộc gồm có: tỉnh Đồng Nai và một phần tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 6,439 km².

Theo số liệu thống kê năm 2009, Giáo phận Xuân Lộc - Đồng Nai có 402 linh mục coi sóc 233 giáo xứ và 32 giáo họ với số giáo dân là 861.035 người. Giáo phận Xuân Lộc hiện có 2.407 tu sĩ đang hoạt động trong các cơ sở dòng tu, 180 chủng sinh chính thức và 141 chủng sinh dự bị. Tất cả nằm dưới quyền điều hành của hai giám mục: một vị là giám mục chánh tòa và một vị là giám mục phụ tá.

Đây cũng là giáo phận có số lượng giáo dân đông nhất trong số 26 giáo phận của Việt Nam.

1.2. Yếu tố lịch sử - văn hóa

Đồng Nai là nơi tập trung đông nhất đồng bào Công giáo di cư từ Miền Bắc vào Miền Nam năm 1954, tức là sau Hiệp định Giơnevơ, đó cũng là điểm đặc biệt của cộng đồng Công giáo nơi đây. Họ sống tập trung theo từng cộng đồng Công giáo gốc. Ví dụ: khu vực Tân Mai và Dốc Mơ - Gia Kiệm bao gồm những cư dân thuộc gốc Bùi Chu, khu vực Hố Nai 1 tập trung những cư dân gốc Thái Bình, khu vực Hố Nai 4 tập trung cư dân gốc Bắc Ninh, v.v... Những cư dân các vùng này sinh sống và tiếp tục nghề nghiệp truyền thống như: cư dân gốc Bùi Chu tiếp tục với loại hình kinh tế nông nghiệp, trong khi người Bắc Ninh tiếp tục với nghề làm bánh đa và bánh cuốn, người gốc Kẻ Sặt tiếp tục bám trụ với nghề buôn bán hàng sỉ và lẻ, v.v...

Đối với sinh hoạt tôn giáo và văn hóa, Đồng Nai có số lượng lớn giáo xứ vẫn giữ được những giá trị truyền thống của Miền Bắc, từ cung giọng đọc kinh hay cách tiến hành nghi lễ đến tổ chức giáo

xứ đều họa theo hình mẫu của xứ gốc. Cách tổ chức giáo xứ rất gần với mô hình làng Miên Bắc xưa kia.

Tuy nhiên, bên cạnh việc duy trì bản sắc xứ gốc họ cũng tiếp nhận một cách linh hoạt những yếu tố văn hóa Nam Bộ cũng như cải tiến những sinh hoạt giáo xứ theo hướng hiện đại do sự trẻ hóa của hàng ngũ linh mục. Điều đó là hiển nhiên khi các vị linh mục xuất thân từ gốc Bắc dần dần qua đời hoặc về hưu để lại quyền điều hành cho những vị linh mục trẻ được đào tạo trong một môi trường mới thông thoáng với không gian văn hóa Nam Bộ vô cùng linh hoạt.

So với giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh và một số cộng đồng giáo dân thuộc các giáo phận khác, cộng đồng Công giáo Đồng Nai còn giữ được thói quen gần như nguyên vẹn về tang ma và cúng giỗ của người Việt truyền thống, tuy vẫn có một số điểm khác biệt do sự chi phối của Công giáo. Vì thế, có thể nói người Công giáo Đồng Nai thực hiện những nghi lễ về tang ma, giỗ chạp trong sự kết hợp giữa phong tục truyền thống và nghi lễ Công giáo.

2. Một số khía cạnh của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên thể hiện trong cộng đồng Công giáo Đồng Nai

2.1. Trong tang ma - cúng giỗ

Người Công giáo Đồng Nai đặc biệt coi trọng tang ma, cúng giỗ, chăm sóc mộ phần của những người thân.

Đối với tang ma, khi có người hấp hối con cháu đều thay phiên nhau túc trực bên người bệnh cho đến khi người đó tắt thở, họ không thực hành nghi thức lập

bài vị, cũng không đặt tên thụy cho người chết để sử dụng trong việc cúng giỗ, nhưng tín đồ Công giáo thường dùng tên Thánh (được đặt cho từng người khi nhận Bí tích Rửa Tội) để cầu kinh cho người chết.

Người Công giáo Đồng Nai cũng thực hiện những phong tục truyền thống cho người chết như cử hành lễ Mộc dục (tắm xác), lễ khâm liệm, lễ nhập quan, lễ động quan và lễ di quan một cách chu đáo. Trong tang ma luôn có hội kèn đưa tiễn rất trang trọng. Tất cả những phong tục trong tang ma này đều có sự chi phối của tôn giáo.

Thời gian xác quản tại gia, tuy không thực hiện nghi lễ “*Chiêu tịch diện*”, nghĩa là con cháu cứ mỗi sáng phải đến lễ người chết, dọn mâm cơm cúng và mời người quá cố dùng, nhưng nhà hiếu cùng thân tộc luôn túc trực bên linh cữu, tang chủ có nhiệm vụ tiếp khách thăm viếng, những người còn lại thì ngồi hoặc quỳ hai bên linh cữu để đọc kinh cho người qua đời.

Điểm khác biệt giữa phong tục cổ truyền và phong tục của người Công giáo thể hiện trong tang ma là cách thức đuổi tà ma. Trong phong tục cổ truyền, từ khi tắt thở cho đến lúc nhập quan người nhà phải canh coi không để cho mèo, chó, chuột nhảy qua người quá cố vì tin rằng nếu chúng nhảy qua sẽ mang theo tinh khí của ma quỷ nhập vào người chết và có thể làm cho người chết trỗi dậy. Người ta còn làm lễ “phạt mộc” (lấy dao chặt vào quan tài) để xua đuổi tà ma trước khi nhập quan. Với người Công giáo, “nước thánh” (nước được linh mục

làm phép) là một công cụ hữu hiệu để thánh hóa người quá cố và xua đuổi tà ma. Do đó, khi thăm viếng người qua đời, bên cạnh việc thắp hương vái người quá cố để tỏ lòng thương tiếc và kính trọng, người ta không quên vẩy nước thánh theo hình thánh giá lên người quá cố.

Cách thức báo hiếu ông bà cha mẹ qua đời của người Công giáo cũng có những khác biệt nhất định so với người Việt truyền thống. Xuất phát từ quan niệm ông bà cha mẹ sau khi chết vẫn có thể hưởng dùng theo một cách nào đó những đồ cúng do con cháu gửi xuống vào dịp giỗ chạp, nếu không, ông bà sẽ chịu cảnh đói rét ở thế giới bên kia và có thể trở thành vong hồn. Do đó, con cháu sẽ dâng cúng lễ bằng vàng mã được họa theo những sản phẩm có trên dương gian và đem đốt chúng vào những dịp như giỗ chạp hằng năm, tảo mộ, lễ tết, gia đình có một sự kiện quan trọng, hay khi muốn cầu xin ông bà ban cho một điều gì đó.

Riêng với người Công giáo, họ không tin ông bà có thể hưởng dùng những đồ cúng mà chỉ trông mong con cháu lập công phúc bằng việc xin lễ, đọc kinh, làm việc bác ái nhằm giúp cho họ có thể đền trả được những lầm lỗi đã phạm khi còn sống để mau chóng được hạnh phúc. Cho nên, người Công giáo Đồng Nai rất hay làm việc lành phúc đức và đây cũng là công việc đầu tiên phải thực hiện khi tổ chức cúng giỗ ông bà cha mẹ hằng năm.

Do sự chi phối của giáo luật Công giáo, người Công giáo Đồng Nai cũng có những khác biệt trong việc thể hiện các nghi lễ tang ma và cúng giỗ. Tuy nhiên, dù giáo luật có chi phối tín đồ đến đâu

thì nhiều tín đồ vẫn theo quan niệm của người Việt truyền thống. Điều này là hiển nhiên vì trước khi họ là người Công giáo, họ đã là người Việt.

Theo quan niệm chính thống Công giáo, người đã chết vẫn là người, không phải là thần thánh nên không thể giảng phúc hay giảng họa cũng như không thể chi phối đến đời sống của con cháu, con cháu không phải sợ ông bà tổ tiên vì lúc này ông bà ở dưới quyền của Chúa và chỉ khi Ngài cho phép mới được về với con cháu. Trong khi đó người Việt truyền thống lại quan niệm ông bà, cha mẹ tuy đã qua đời nhưng vẫn hiện diện bên con cháu, vẫn chi phối đời sống của con cháu, cho nên con cháu rất sợ tổ tiên, ông bà quả trách hay giảng họa.

Niềm tin khác biệt là thế, nhưng khi được hỏi thì đa số người Công giáo Đồng Nai vẫn khẳng định là “có sợ ông bà, cha mẹ quả trách”, sợ ông bà giảng họa khi không chu toàn việc cúng giỗ; ông bà sẽ chúc phúc và ban phúc lành cho con cháu nếu biết hiếu thảo với ông bà, cả khi ông bà đã qua đời. Quan niệm này ngày càng gia tăng trong tín đồ Công giáo Đồng Nai. Nếu vào năm 1998, khi người Công giáo Đồng Nai được hỏi “*có sợ ông bà tổ tiên khiển trách?*” thì chỉ có 1,9% (tính trên 2.000 phiếu) trả lời là “có”, thì vào năm 2011 con số này lên tới 78%.

Cũng theo quan niệm của người Việt truyền thống, do ông bà khi chết rồi vẫn can thiệp vào cuộc sống của con cháu nên người ta vẫn thường cầu xin trực tiếp với ông bà tổ tiên ban cho những điều mình cầu; Còn trong quan niệm truyền thống Công giáo thì chỉ xin ông

bà “*cầu bầu*” cùng Chúa ban phúc lành cho con cháu, nghĩa là ông bà không thể trực tiếp ban phúc lành mà chỉ có thể “*cầu xin Chúa giúp cho con cháu*” thôi. Tuy nhiên, người Công giáo Đồng Nai tuy vẫn được học giáo lí, giáo luật như thế, nhưng họ vẫn linh cảm ông bà có thể giúp họ nên họ vẫn trực tiếp cầu nguyện trước vong linh ông bà xin ông bà ban cho họ những điều họ cầu. Điều này được minh chứng qua số người Công giáo trả lời “*vấn tin ông bà phù hộ*” là 94,3% và “*có cầu xin ông bà*” chiếm đến 92,1%.

2.2. Chăm sóc mộ phần

Mộ phần của người chết được coi trọng, được chuẩn bị và xây sẵn kim tinh trong nghĩa trang chung của một họ đạo. Tuy nhiên, người Công giáo không chọn trước sinh phần cho mình, cũng không nhờ đến thầy địa lí xem đất cho, bởi vì họ chỉ quan tâm xem mộ phần ông bà, cha mẹ có tương tất hay không chứ không quan tâm đến việc nơi chôn táng có đem lại lợi ích hay tai họa cho con cháu sau này.

Nếu như người Công giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều sự chọn lựa cho việc an táng người quá cố, họ có thể chôn táng lâu năm ở nghĩa trang, cũng có khi chỉ chôn táng ông bà, cha mẹ trong một thời gian từ 3-5 năm rồi cải táng và đưa hài cốt vào trong “nhà an nghỉ” do xứ đạo xây dựng, hoặc đem thiêu và đưa “tro cốt” về nhà an nghỉ thì hầu hết các xứ đạo ở Đồng Nai đều có nghĩa trang giáo xứ được quy hoạch khá đẹp và ít phổ biến loại hình “nhà an nghỉ”. Sở dĩ có sự khác biệt này vì TP.HCM đất hẹp người đông, trong khi ở Đồng Nai tuy người cũng đông nhưng

đất còn rộng. Mặt khác, do tâm lí truyền thống của người Việt “*nhất dương cơ, nhị sinh phần*” vẫn còn đậm nét nơi đây.

Nghĩa trang giáo xứ thường nằm gần nhà thờ, các mộ phần liên kế nhau theo một trật tự nhất định, cách lập mộ cũng theo một hình mẫu chung ít nhất là về kích thước và kiểu dáng và có thể khác biệt nhau về màu sắc hay trang trí. Cách thức trang trí trên mộ phần cũng cho thấy sự khác biệt giàu nghèo. Mộ người giàu được con cháu sử dụng vàng thật để mạ chữ hoặc bức họa trên đó, còn mộ người nghèo thì dùng một sản phẩm khác thay thế nhưng vẫn thể hiện sự chu đáo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ.

Nghĩa trang của người Công giáo Đồng Nai là nơi con cháu thường xuyên lui tới, cho nên nó rất gần gũi và gắn bó với con cháu. Họ thường xuyên chăm sóc, lau chùi các ngôi mộ của người thân và bày trí hoa, nến, cũng như thường xuyên thắp hương trên các mộ phần.

Có thể kể đến những dịp mà tín đồ Công giáo thường lui tới mộ phần như dịp giỗ hằng năm, hay khi gia đình có một sự kiện quan trọng như cưới hỏi, đi xa, họp gia đình về phân chia di sản thừa kế, hoặc họp gia đình đơn thuần. Cá nhân cũng thường xuyên ra thăm mộ khi gặp chuyện buồn hoặc có niềm vui, muốn tâm sự điều gì đó, đạt được thành công trong cuộc sống hay gặp thất bại, v.v... Ngoài ra, trong những dịp lễ như bốn mạng giáo xứ, ngày mừng hai Tết Nguyên Đán, ngày mừng 2 tháng 11, các linh mục thường tổ chức dâng lễ tại nghĩa trang và những ngày này con cháu sẽ tảo mộ, lau dọn và trang trí mộ phần.

Riêng trong tháng 11, do được sự khích lệ của Giáo hội, người giáo dân thường ra viếng mộ hằng ngày trong suốt tháng. Họ thấp hương, đọc kinh và tạo thành một thói quen chung. Do đó, trong những ngày này nghĩa trang lúc nào cũng có rất nhiều người ra thăm mộ. Có giáo xứ còn để điện ở nghĩa trang đến 10 giờ tối để giáo dân có thể thăm viếng mộ phần.

Vài lời kết

Trong cuộc sống công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiều giá trị văn hóa dần bị mai một và việc báo hiếu ông bà, cha mẹ đã qua đời vốn là một nét đẹp sâu xa không phải là không có nguy cơ phai nhạt, nhất là khi phần lớn giới trẻ ngày nay tôn thờ và đề cao chủ nghĩa cá nhân hơi thái quá. Do đó, nhiều người trẻ xa rời gia đình, từ bỏ những ràng buộc của đạo đức gia phong và xã hội dẫn đến mất phương hướng và đi vào con đường lầm lạc.

Công giáo vẫn bị xem là tôn giáo không ủng hộ những nghi lễ trong thờ cúng tổ tiên, tạo nên những hiểu lầm trong quá khứ mà thi hào Nguyễn Đình Chiểu từng ám chỉ:

“Thà dui mà giữ đạo nhà

Còn hơn sáng mắt ông cha không thờ”

Tuy nhiên, một điều không thể phủ nhận, người Công giáo Đồng Nai trước hết vẫn là người Việt mà thờ cúng tổ tiên vốn dĩ đã trở thành một “tập quán”

không thể nào thiếu. Do đó, dù theo tôn giáo nào, họ vẫn thể hiện được điểm cốt lõi của đạo lý *uống nước nhớ nguồn*. Đó là thể hiện lòng biết ơn và trách nhiệm lâu dài và liên tục của con cháu đối với tổ tiên, chúng được phác họa qua những nghi lễ mà sự khác biệt trong thực hành nghi lễ do tôn giáo chi phối. Cho nên, việc thực hiện các nghi lễ dù có khác nhau hay sự khác nhau về cách thức và mức độ thực hành các nghi lễ không làm suy giảm lòng hiếu kính tổ tiên.

Khi quan tâm cúng giỗ tổ tiên trong gia đình cũng như trong xứ đạo, họ đã giáo dục con cái về “đạo lý uống nước nhớ nguồn”, tạo nên truyền thống coi trọng việc chăm sóc mộ phần một cách chu đáo, qua đó, tính cộng đồng cũng được duy trì và bảo tồn thông qua những dịp tụ họp để kính nhớ tổ tiên.

Điểm đáng trân trọng của người Công giáo Đồng Nai là họ đã bảo lưu và trân trọng những phong tục tập quán của người Việt truyền thống, nên nhiều khi những cộng đồng Công giáo ở đây vẫn bị xem là cục bộ và bảo thủ. Tuy nhiên, người Công giáo Đồng Nai vẫn biết cách dung hợp giữa tín ngưỡng bản địa và tôn giáo của mình, để một mặt họ vẫn luôn cảm thấy thanh thản khi đã chu toàn trách nhiệm với ông bà tổ tiên và mặt khác họ cũng vẫn thể hiện một cách trọn vẹn niềm tin tôn giáo của mình./.